

BỘ Y TẾ
ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 705/ĐATS-ĐHYD

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 5 năm 2023

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2023

I. Thông tin chung (tính đến thời điểm xây dựng kế hoạch tuyển sinh)

1. Tên trường: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Mã trường: YDS.

3. Địa chỉ các trụ sở:

Địa chỉ trụ sở chính: 217 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ 7 khoa:

- Khoa Y : 217 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP.HCM.
- Khoa Răng Hàm Mặt : 652 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP.HCM.
- Khoa Y học cổ truyền : 221B Hoàng Văn Thụ, Q. Phú Nhuận, TP.HCM.
- Khoa Dược : 41 Đinh Tiên Hoàng, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM.
- Khoa Điều dưỡng - Kỹ thuật y học: 201 Nguyễn Chí Thanh, P.12, Q.5, TP.HCM.
- Khoa Y tế công cộng : 159 Hưng Phú, Phường 8, Quận 8, TP.HCM.
- Khoa Khoa học cơ bản : 217 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP.HCM.

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của trường: www.ump.edu.vn

5. Địa chỉ các trang mạng xã hội của trường (có thông tin tuyển sinh)

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 028.39526076 – 028.38567645

7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Lĩnh vực /Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Tỷ lệ % SV tốt nghiệp đã có việc làm
Lĩnh vực sức khỏe	Đại học				
Y khoa		400	419	423	92.2
Y học dự phòng		120	119	78	85.9
Y học cổ truyền		190	188	166	86.0
Dược học		560	566	268	83.9
Điều dưỡng		315	333	280	89.2
Hộ sinh		120	118	-	-
Dinh dưỡng		80	78	-	Chưa khảo sát
Răng - Hàm - Mặt		120	123	113	80.0
Kỹ thuật phục hình răng		40	41	38	80.77

Lĩnh vực /Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Tỷ lệ % SV tốt nghiệp đã có việc làm
Kỹ thuật xét nghiệm y học		165	164	71	100.0
Kỹ thuật hình ảnh y học		85	77	55	87.2
Kỹ thuật phục hồi chức năng		80	74	74	90.5
Y tế công cộng		90	76	60	84.2
Tổng		2365	2376	1626	93.4

8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của trường:

<https://tinyurl.com/Deantuyensinhdaihocnam2021>

<https://tinyurl.com/Deantuyensinhdaihocnam2022>

8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất

- Xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2021, 2022.
- Xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2021, 2022 kết hợp chứng chỉ tiếng Anh quốc tế.

8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

Lĩnh vực/ Ngành đào tạo	Năm tuyển sinh 2021				Năm tuyển sinh 2022			
	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển		Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	
			Tổ hợp B00	Tổ hợp A00			Tổ hợp B00	Tổ hợp A00
Lĩnh vực sức khỏe								
Y khoa	300	316	28.20	-	280	276	27.55	-
Y khoa (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	100	103	27.65	-	120	128	26.6	-
Y học dự phòng	120	119	23.90	-	84	100	21.0	-
Y học dự phòng (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	-	-	-	-	36	02	23.35	-
Y học cổ truyền	190	188	25.20	-	140	207	24.2	-
Y học cổ truyền (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	-	-	-	-	60	10	22.5	-
Dược học	420	427	26.25	26.25	392	478	25.5	25.5
Dược học (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	140	139	24.50	24.50	168	113	23.85	23.85

Lĩnh vực/ Ngành đào tạo	Năm tuyển sinh 2021				Năm tuyển sinh 2022			
	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển		Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	
			Tổ hợp B00	Tổ hợp A00			Tổ hợp B00	Tổ hợp A00
Điều dưỡng	145	193	24.10	-	147	208	20.3	-
Điều dưỡng (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	50	8	22.80	-	63	05	20.3	-
Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức	120	132	24.15	-	120	132	23.25	-
Hộ sinh (chỉ tuyển nữ)	120	118	23.25	-	120	90	19.05	-
Dinh dưỡng	80	78	24.00	-	56	79	20.35	-
Dinh dưỡng (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	-	-	-	-	24	03	20.95	-
Răng - Hàm - Mặt	90	91	27.65	-	84	83	27.0	-
Răng - Hàm - Mặt (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	30	32	27.40	-	36	35	26.25	-
Kỹ thuật phục hình răng	40	41	25.00	-	28	42	24.3	-
Kỹ thuật phục hình răng (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	-	-	-	-	12	01	23.45	-
Kỹ thuật xét nghiệm y học	165	164	25.45	-	165	185	24.5	-
Kỹ thuật hình ảnh y học	85	77	24.80	-	90	101	23.0	-
Kỹ thuật phục hồi chức năng	80	74	24.10	-	88	99	20.6	-
Y tế công cộng	90	76	22.00	-	63	33	19.1	-
Y tế công cộng (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	-	-	-	-	27	01	22.25	-
Tổng	2365	2376			2403	2411		

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Y khoa	7720101	712/QĐ-BGDĐT	21/02/2011	1093/QĐ-BGDĐT	23/03/2018	Bộ GDĐT	1976	2022
2	Y học dự phòng	7720110	801/QĐ-BGDĐT	22/02/2008	1093/QĐ-BGDĐT	23/03/2018	Bộ GDĐT	2008	2022
3	Y học cổ truyền	7720115	712/QĐ-BGDĐT	21/02/2011	1093/QĐ-BGDĐT	23/03/2018	Bộ GDĐT	1987	2022
4	Dược học	7720201	712/QĐ-BGDĐT	21/02/2011	1093/QĐ-BGDĐT	23/03/2018	Bộ GDĐT	1976	2022
5	Điều dưỡng	7720301	712/QĐ-BGDĐT	21/02/2011	1093/QĐ-BGDĐT	23/03/2018	Bộ GDĐT	1996	2022
6	Hộ sinh	7720302	1242/QĐ-BGDĐT	09/04/2021			Bộ GDĐT	2021	2022
7	Dinh dưỡng	7720401	2157/QĐ-BGDĐT	26/06/2017	1093/QĐ-BGDĐT	23/03/2018	Bộ GDĐT	2018	2022
8	Răng - Hàm - Mặt	7720501	712/QĐ-BGDĐT	21/02/2011	1093/QĐ-BGDĐT	23/03/2018	Bộ GDĐT	1976	2022
9	Kỹ thuật phục hình răng	7720502	712/QĐ-BGDĐT	21/02/2011	1093/QĐ-BGDĐT	23/03/2018	Bộ GDĐT	2002	2022
10	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	712/QĐ-BGDĐT	21/02/2011	1093/QĐ-BGDĐT	23/03/2018	Bộ GDĐT	1996	2022
11	Kỹ thuật hình ảnh y học	7720602	712/QĐ-BGDĐT	21/02/2011	1093/QĐ-BGDĐT	23/03/2018	Bộ GDĐT	2000	2022
12	Kỹ thuật phục hồi chức năng	7720603	712/QĐ-BGDĐT	21/02/2011	1093/QĐ-BGDĐT	23/03/2018	Bộ GDĐT	2000	2022
13	Y tế công cộng	7720701	712/QĐ-BGDĐT	21/02/2011	1093/QĐ-BGDĐT	23/03/2018	Bộ GDĐT	1999	2022

10. Điều kiện đảm bảo chất lượng (Phụ lục 1)

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của trường:

<https://tinyurl.com/DieukienDambaochatluong>

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của trường:

<https://ump.edu.vn/tuyen-sinh-dao-tao/dai-hoc/tuyen-sinh/5200/de-an-tuyen-sinh-nam-2023>

<https://ump.edu.vn/tuyen-sinh-dao-tao/dai-hoc/thong-bao/5200/de-an-tuyen-sinh-nam-2023>

<https://ump.edu.vn/tin-tuc-su-kien/thong-bao/de-an-tuyen-sinh-nam-2023/5200>

12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của Trường trên trang thông tin điện tử của trường:

<https://ump.edu.vn/tuyen-sinh-dao-tao/dai-hoc/tuyen-sinh/5199/quy-che-tuyen-sinh-dai-hoc-he-chinh-quy-nam-2023>

<https://ump.edu.vn/tuyen-sinh-dao-tao/dai-hoc/thong-bao/5199/quy-che-tuyen-sinh-dai-hoc-he-chinh-quy-nam-2023>

<https://ump.edu.vn/tin-tuc-su-kien/thong-bao/quy-che-tuyen-sinh-dai-hoc-he-chinh-quy-nam-2023/5199>

II. Tuyển sinh đào tạo đại học hệ chính quy

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

a) Đối tượng dự tuyển

- Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

b) Đối tượng dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đạt ngưỡng đầu vào (hay ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào) do Hội đồng tuyển sinh Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh quy định.

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

2. Phạm vi tuyển sinh: tuyển sinh cả nước

3. Phương thức tuyển sinh

Xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023.

Nhà trường **không sử dụng** điểm thi được bảo lưu từ Kỳ thi tốt nghiệp THPT, THPT quốc gia các năm trước để xét tuyển.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1.	Đại học	7720101	Y khoa	100	Xét tuyển kết quả thi THPT (*)	256	B00	-	-	-
2.	Đại học	7720101_02	Y khoa (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	100	Kết hợp sơ tuyển CCTA (**)	140	B00	-	-	-

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
3.	Đại học	7720101	Y khoa	301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	04				
4.	Đại học	7720110	Y học dự phòng	100	Xét tuyển kết quả thi THPT (*)	76	B00	-	A00	-
5.	Đại học	7720110_02	Y học dự phòng (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	100	Kết hợp sơ tuyển CCTA (**)	42	B00	-	A00	-
6.	Đại học	7720110	Y học dự phòng	301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	01				
7.	Đại học	7720110	Y học dự phòng	500	Phương thức xét tuyển khác (Dự bị đại học)	01				
8.	Đại học	7720115	Y học cổ truyền	100	Xét tuyển kết quả thi THPT (*)	126	B00	-	-	-
9.	Đại học	7720115_02	Y học cổ truyền (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	100	Kết hợp sơ tuyển CCTA (**)	70	B00	-	-	-
10.	Đại học	7720115	Y học cổ truyền	301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	02				
11.	Đại học	7720115	Y học cổ truyền	500	Phương thức xét tuyển khác (Dự bị đại học)	02				
12.	Đại học	7720201	Dược học	100	Xét tuyển kết quả thi THPT (*)	357	B00	-	A00	-
13.	Đại học	7720201_02	Dược học (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	100	Kết hợp sơ tuyển CCTA (**)	196	B00	-	A00	-

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
14.	Đại học	7720201	Dược học	301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	06				
15.	Đại học	7720201	Dược học	500	Phương thức xét tuyển khác (Dự bị đại học)	01				
16.	Đại học	7720301	Điều dưỡng	100	Xét tuyển kết quả thi THPT (*)	133	B00	-	A00	-
17.	Đại học	7720301_04	Điều dưỡng (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	100	Kết hợp sơ tuyển CCTA (**)	73	B00	-	A00	-
18.	Đại học	7720301	Điều dưỡng	301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	02				
19.	Đại học	7720301	Điều dưỡng	500	Phương thức xét tuyển khác (Dự bị đại học)	02				
20.	Đại học	7720301_03	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức	100	Xét tuyển kết quả thi THPT (*)	76	B00	-	A00	-
21.	Đại học	7720301_05	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	100	Kết hợp sơ tuyển CCTA (**)	42	B00	-	A00	-
22.	Đại học	7720301_03	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức	301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	01				
23.	Đại học	7720301_03	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức	500	Phương thức xét tuyển khác (Dự bị đại học)	01				
24.	Đại học	7720302	Hộ sinh (chỉ tuyển nữ)	100	Xét tuyển kết quả thi THPT (*)	75	B00	-	A00	-

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
25.	Đại học	7720302_02	Hộ sinh (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	100	Kết hợp sơ tuyển CCTA (**)	42	B00	-	A00	-
26.	Đại học	7720302	Hộ sinh	301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	01				
27.	Đại học	7720302	Hộ sinh	500	Phương thức xét tuyển khác (Dự bị đại học)	02				
28.	Đại học	7720401	Dinh dưỡng	100	Xét tuyển kết quả thi THPT (*)	50	B00	-	A00	-
29.	Đại học	7720401_02	Dinh dưỡng (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	100	Kết hợp sơ tuyển CCTA (**)	28	B00	-	A00	-
30.	Đại học	7720401	Dinh dưỡng	301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	01				
31.	Đại học	7720401	Dinh dưỡng	500	Phương thức xét tuyển khác (Dự bị đại học)	01				
32.	Đại học	7720501	Răng - Hàm - Mặt	100	Xét tuyển kết quả thi THPT (*)	77	B00	-	-	-
33.	Đại học	7720501_02	Răng - Hàm - Mặt (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	100	Kết hợp sơ tuyển CCTA (**)	42	B00	-	-	-
34.	Đại học	7720501	Răng - Hàm - Mặt	301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	01				
35.	Đại học	7720502	Kỹ thuật phục hình răng	100	Xét tuyển kết quả thi THPT (*)	24	B00	-	A00	-

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
36.	Đại học	7720502_02	Kỹ thuật phục hình răng (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	100	Kết hợp sơ tuyển CCTA (**)	14	B00	-	A00	-
37.	Đại học	7720502	Kỹ thuật phục hình răng	301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	01				
38.	Đại học	7720502	Kỹ thuật phục hình răng	500	Phương thức xét tuyển khác (Dự bị đại học)	01				
39.	Đại học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	100	Xét tuyển kết quả thi THPT (*)	104	B00	-	A00	-
40.	Đại học	7720601_02	Kỹ thuật xét nghiệm y học (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	100	Kết hợp sơ tuyển CCTA (**)	57	B00	-	A00	-
41.	Đại học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	02				
42.	Đại học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	500	Phương thức xét tuyển khác (Dự bị đại học)	02				
43.	Đại học	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học	100	Xét tuyển kết quả thi THPT (*)	57	B00	-	A00	-
44.	Đại học	7720602_02	Kỹ thuật hình ảnh y học (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	100	Kết hợp sơ tuyển CCTA (**)	31	B00	-	A00	-
45.	Đại học	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học	301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	01				

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổng hợp môn xét tuyển 1		Tổng hợp môn xét tuyển 2	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
46.	Đại học	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học	500	Phương thức xét tuyển khác (Dự bị đại học)	01				
47.	Đại học	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng	100	Xét tuyển kết quả thi THPT (*)	56	B00	-	A00	-
48.	Đại học	7720603_02	Kỹ thuật phục hồi chức năng (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	100	Kết hợp sơ tuyển CCTA (**)	30	B00	-	A00	-
49.	Đại học	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng	301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	01				
50.	Đại học	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng	500	Phương thức xét tuyển khác (Dự bị đại học)	01				
51.	Đại học	7720701	Y tế công cộng	100	Xét tuyển kết quả thi THPT (*)	57	B00	-	A00	-
52.	Đại học	7720701_02	Y tế công cộng (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	100	Kết hợp sơ tuyển CCTA (**)	31	B00	-	A00	-
53.	Đại học	7720701	Y tế công cộng	301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	01				
54.	Đại học	7720701	Y tế công cộng	500	Phương thức xét tuyển khác (Dự bị đại học)	01				
			Tổng cộng			2403				

Ghi chú: (*) : Xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023

(**): Xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế

5. Ngưỡng đầu vào

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Hội đồng tuyển sinh Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh quy định.

6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường

6.1. Thông tin về các ngành dự tuyển

Stt	Mã trường	Mã ngành	Ngành học	Chỉ tiêu (dự kiến)			Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2	
				Xét tuyển dựa trên KQ Kỳ thi THPT	Tuyển thẳng	Dự bị đại học	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
1.	YDS	7720101	Y khoa	256	04	-	B00	-	-	-
2.	YDS	7720101_02	Y khoa (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	140	-	-	B00	-	-	-
3.	YDS	7720110	Y học dự phòng	76	01	01	B00	-	A00	-
4.	YDS	7720110_02	Y học dự phòng (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	42	-	-	B00	-	A00	-
5.	YDS	7720115	Y học cổ truyền	126	02	02	B00	-	-	-
6.	YDS	7720115_02	Y học cổ truyền (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	70	-	-	B00	-	-	-
7.	YDS	7720201	Dược học	357	06	01	B00	-	A00	-
8.	YDS	7720201_02	Dược học (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	196	-	-	B00	-	A00	-
9.	YDS	7720301	Điều dưỡng	133	02	02	B00	-	A00	-
10.	YDS	7720301_04	Điều dưỡng (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	73	-	-	B00	-	A00	-
11.	YDS	7720301_03	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức	76	01	01	B00	-	A00	-

Stt	Mã trường	Mã ngành	Ngành học	Chỉ tiêu (dự kiến)			Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2	
				Xét tuyển dựa trên KQ Kỳ thi THPT	Tuyển thẳng	Dự bị đại học	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
12.	YDS	7720301_05	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	42	-	-	B00	-	A00	-
13.	YDS	7720302	Hộ sinh (chỉ tuyển nữ)	75	01	02	B00	-	A00	-
14.	YDS	7720302_02	Hộ sinh (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	42	-	-	B00	-	A00	-
15.	YDS	7720401	Dinh dưỡng	50	01	01	B00	-	A00	-
16.	YDS	7720401_02	Dinh dưỡng (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	28	-	-	B00	-	A00	-
17.	YDS	7720501	Răng - Hàm - Mặt	77	01	-	B00	-	-	-
18.	YDS	7720501_02	Răng - Hàm - Mặt (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	42	-	-	B00	-	-	-
19.	YDS	7720502	Kỹ thuật phục hình răng	24	01	01	B00	-	A00	-
20.	YDS	7720502_02	Kỹ thuật phục hình răng (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	14	-	-	B00	-	A00	-
21.	YDS	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	104	02	02	B00	-	A00	-
22.	YDS	7720601_02	Kỹ thuật xét nghiệm y học (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	57	-	-	B00	-	A00	-
23.	YDS	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học	57	01	01	B00	-	A00	-
24.	YDS	7720602_02	Kỹ thuật hình ảnh y học (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	31	-	-	B00	-	A00	-
25.	YDS	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng	56	01	01	B00	-	A00	-

Stt	Mã trường	Mã ngành	Ngành học	Chỉ tiêu (dự kiến)			Tổng hợp xét tuyển 1		Tổng hợp xét tuyển 2	
				Xét tuyển dựa trên KQ Kỳ thi THPT	Tuyển thẳng	Dự bị đại học	Tổng hợp môn	Môn chính	Tổng hợp môn	Môn chính
26.	YDS	7720603_02	Kỹ thuật phục hồi chức năng (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	30	-	-	B00	-	A00	-
27.	YDS	7720701	Y tế công cộng	57	01	01	B00	-	A00	-
28.	YDS	7720701_02	Y tế công cộng (kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)	31	-	-	B00	-	A00	-
			Tổng cộng	2362	25	16				

6.2. Tổ hợp xét tuyển

- Ngành Dược học, Y học dự phòng, Dinh dưỡng, Y tế công cộng, Điều dưỡng, Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức, Hộ sinh, Kỹ thuật phục hình răng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học và Kỹ thuật phục hồi chức năng: gồm 2 tổ hợp:

- Tổ hợp B00: Toán, Hóa học, Sinh học
- Tổ hợp A00: Toán, Vật lí, Hóa học

Cả hai tổ hợp được xét tuyển chung với nhau, không quy định điểm chênh lệch giữa các tổ hợp.

Chỉ tiêu xét tuyển tối đa năm 2023 cho tổ hợp A00 của các ngành là 25% tổng chỉ tiêu ngành (trừ ngành Dược học).

- Các ngành còn lại Y khoa, Y học cổ truyền và Răng - Hàm - Mặt xét tổ hợp B00: Toán, Hóa học, Sinh học.

6.3. Điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

Trong trường hợp số lượng thí sinh đạt điểm trúng tuyển vượt quá số lượng dự kiến thí sinh nhập học theo chỉ tiêu được phê duyệt của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho từng ngành đào tạo của Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh do bằng nhau về điểm xét tuyển, Nhà trường áp dụng ưu tiên thí sinh có thứ tự nguyện vọng cao hơn.

7. Tổ chức tuyển sinh

7.1. Đăng ký xét tuyển

Thí sinh đăng ký, điều chỉnh nguyện vọng xét tuyển từ ngày 10/7 đến 17 giờ 00 ngày 30/7/2023.

Thí sinh thực hiện đăng ký xét tuyển trên hệ thống (qua Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia) theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thí sinh được đăng ký nguyện vọng vào nhiều ngành, sắp xếp các nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp. Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất.

7.2. Tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo

- Ngành Dược học, Y học dự phòng, Dinh dưỡng, Y tế công cộng, Điều dưỡng, Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức, Hộ sinh, Kỹ thuật phục hình răng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học và Kỹ thuật phục hồi chức năng: gồm 2 tổ hợp

- B00: bài thi Toán, môn thi Hóa học và môn thi Sinh học.
- A00: bài thi Toán, môn thi Vật lí và môn thi Hóa học.

- Các ngành còn lại Y khoa, Y học cổ truyền và Răng - Hàm - Mặt xét tổ hợp B00: bài thi Toán, môn thi Hóa học và môn thi Sinh học.

7.3. Phương thức xét tuyển

Nhà trường xét tuyển theo 04 phương thức độc lập nhau. Trong đó:

- Phương thức 1: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023;
- Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế;

Thí sinh có thể đăng ký xét tuyển cả hai phương thức 1 và 2;

- Phương thức 3: Xét tuyển thẳng theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh đại học năm 2023;
- Phương thức 4: Dự bị đại học.

Thí sinh đã trúng tuyển sẽ không được tham gia xét tuyển bởi các phương thức tuyển sinh khác.

7.3.1. Phương thức 1: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023

a) Điều kiện xét tuyển

Các thí sinh có tổng điểm thi của 3 bài thi/môn thi Toán, Hóa học, Sinh học hoặc Toán, Vật lý, Hóa học và điểm ưu tiên (nếu có) phải bằng hoặc trên mức điểm tối thiểu ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Hội đồng tuyển sinh Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh quy định.

b) Chỉ tiêu

Được xác định của từng ngành, sau khi trừ số học sinh được xét theo phương thức khác (bao gồm số học sinh được xét tuyển thẳng và số học sinh dự bị đại học của các trường Dự bị đại học phân bổ về trường), số thí sinh trúng tuyển theo phương thức xét tuyển kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (phương thức 2) (mục 6.1).

7.3.2. Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 kết hợp sơ tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế

a) Điều kiện xét tuyển

- Chỉ xét tuyển những thí sinh đã nộp bản sao chứng thực chứng chỉ tiếng Anh quốc tế và đạt yêu cầu sơ tuyển theo quy định của Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh.

- Các thí sinh có tổng điểm thi của 3 bài thi/môn thi Toán, Hóa học, Sinh học hoặc Toán, Vật lý, Hóa học và điểm ưu tiên (nếu có) phải bằng hoặc trên mức điểm tối thiểu ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Hội đồng tuyển sinh Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh quy định.

- Thí sinh nộp bản sao chứng thực chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tại Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh (Phòng Đào tạo Đại học – số 217 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh) (**trực tiếp** hoặc **chuyển phát nhanh, ưu tiên** qua đường bưu điện) từ ngày 03/7/2023 đến trước 17g00 ngày 21/7/2023.

Thí sinh phải gửi sớm và đảm bảo Trường nhận được trước 17g00 ngày 21/7/2023. Trường sẽ không giải quyết đối với hồ sơ đến sau 17g00 ngày 21/7/2023.

- Có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong thời hạn từ ngày 03/7/2021 đến ngày 21/7/2023.

Thí sinh đạt **IELTS Academic 6.0** trở lên đăng ký xét tuyển vào các ngành:

- + Y khoa;
- + Y học dự phòng;
- + Y học cổ truyền;
- + Răng – Hàm – Mặt;
- + Dược học.

Thí sinh đạt **IELTS Academic 5.0** trở lên đăng ký xét tuyển vào các ngành:

- + Dinh dưỡng;
- + Y tế công cộng;
- + Kỹ thuật phục hình răng;
- + Điều dưỡng;
- + Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức;
- + Hộ sinh;
- + Kỹ thuật xét nghiệm y học;

- + Kỹ thuật hình ảnh y học;
- + Kỹ thuật phục hồi chức năng.

Đơn vị cấp chứng chỉ IELTS:

- British Council (BC);
- International Development Program (IDP)

Nhà trường dự kiến xem xét sử dụng kết quả thi SAT (Scholastic Aptitude Test) vào kỳ xét tuyển đại học hệ chính quy năm 2024.

Nhà trường sẽ kiểm tra chứng chỉ tiếng Anh quốc tế **bản gốc** khi thí sinh nhập học, nếu thí sinh không đảm bảo điều kiện như quy định sẽ bị loại ra khỏi danh sách trúng tuyển.

b) Chỉ tiêu: 35% chỉ tiêu của từng ngành (mục 6.1).

7.3.3. Nguyên tắc xét tuyển chung của 2 phương thức

- Điểm xét tuyển: là tổng điểm các bài thi/môn thi theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi của tổ hợp xét tuyển B00 hoặc A00 cộng với điểm ưu tiên theo quy định.

Điểm xét tuyển = tổng điểm các bài thi/môn thi (a) + điểm ưu tiên (b)

(a) = điểm bài thi Toán + điểm môn thi Sinh học + điểm môn thi Hóa học

hoặc:

(a) điểm bài thi Toán + điểm môn thi Vật lí + điểm môn thi Hóa học

(b) Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = [(30 – Tổng điểm đạt được)/7,5] x Mức điểm ưu tiên theo quy định

Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm, khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm;

Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách chỉ được tính một mức điểm ưu tiên cao nhất.

Các mức điểm ưu tiên tương ứng với tổng điểm 3 bài thi/môn thi (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi (không nhân hệ số).

- Điểm trúng tuyển: là điểm xét tuyển thấp nhất mà thí sinh được xét trúng tuyển cho ngành đào tạo phù hợp với số lượng chỉ tiêu đã công bố, nhưng không thấp hơn ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.

Điểm trúng tuyển của các thí sinh ở phương thức 2 không được thấp hơn điểm trúng tuyển ở phương thức 1 trong cùng 1 ngành là 2,0 điểm.

Trong trường hợp phương thức 2, phương thức 3 và phương thức 4 không tuyển đủ chỉ tiêu thì chỉ tiêu còn lại của phương thức 2, phương thức 3 và phương thức 4 sẽ được cộng dồn vào chỉ tiêu của phương thức 1.

Hội đồng tuyển sinh sẽ lập danh sách thí sinh đăng ký xét tuyển của từng ngành theo thứ tự giảm dần của điểm xét tuyển. Danh sách thí sinh trúng tuyển được chọn theo điểm xét tuyển, tuân tự từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.

Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét tuyển ở cuối danh sách, Trường ưu tiên thí sinh có thứ tự nguyện vọng cao hơn.

Chỉ tiêu xét tuyển tối đa năm 2023 cho tổ hợp A00 của các ngành là 25% tổng chỉ tiêu ngành (trừ ngành Dược học).

7.3.4. Phương thức 3: Xét tuyển thẳng

a) Đối tượng xét tuyển thẳng

Đối tượng tuyển thẳng vào đại học được xét theo quy định tại Điều 8 Quy chế tuyển sinh đại học năm 2023 của Trường. Cụ thể như sau:

a₁. Thí sinh thuộc diện Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào học đại học một trong tất cả các ngành.

a₂. Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, cử tham gia, thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng, đã tốt nghiệp THPT:

Môn Sinh học:

- **Giải nhất:** được tuyển thẳng vào ngành Y khoa hoặc Răng - Hàm - Mặt;

- **Giải nhất, nhì, ba:** được tuyển thẳng vào một trong các ngành Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Điều dưỡng, Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức, Hộ sinh, Y tế công cộng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật phục hình răng, Dinh dưỡng.

Môn Hóa học:

- **Giải nhất:** được tuyển thẳng vào ngành Dược học;

- **Giải nhất, nhì, ba:** được tuyển thẳng vào ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học.

Môn Vật lý:

- **Giải nhất:** được tuyển thẳng vào ngành Dược học.

a₃. Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong cuộc thi Khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, cử tham gia, thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng, đã tốt nghiệp THPT có dự án hoặc nội dung đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến:

Lĩnh vực y, sinh học và nội dung đề tài phù hợp với ngành đào tạo:

- **Giải nhất:** được tuyển thẳng vào ngành Y học cổ truyền, Y học dự phòng;

- **Giải nhất, nhì, ba:** được tuyển thẳng vào một trong các ngành Điều dưỡng, Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức, Hộ sinh, Y tế công cộng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật phục hình răng, Dinh dưỡng.

Lĩnh vực hóa học, dược học và nội dung đề tài phù hợp với ngành đào tạo:

- **Giải nhất, nhì, ba:** được tuyển thẳng vào ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học.

Việc xác định nội dung đề tài nghiên cứu khoa học liên quan và phù hợp với ngành đào tạo do Hội đồng tuyển sinh quyết định.

b) Chỉ tiêu tuyển thẳng

Chỉ tiêu tuyển thẳng của từng ngành được ghi tại mục 6.1.

c) Phương án xét tuyển thẳng

Trong trường hợp số lượng thí sinh nộp vào từng ngành vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh tại mục 6.1, Nhà trường sẽ xét ưu tiên lần lượt theo thứ tự các đối tượng từ mục a₁ đến mục a₃ cho đến khi đủ chỉ tiêu.

Nhà trường tổ chức xét tuyển thẳng thí sinh theo quy định, cập nhật danh sách trúng tuyển vào cơ sở dữ liệu của Công thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và gửi kết quả xét tuyển thẳng cho thí sinh trúng tuyển trước 17 giờ ngày 05/7/2023.

d) Hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng

Thí sinh nộp hồ sơ xét tuyển thẳng theo đường chuyển phát nhanh hoặc nộp trực tiếp tại Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh (Phòng Đào tạo Đại học – số 217 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh) trước 17 giờ 00 ngày 30/6/2023.

Hồ sơ xét tuyển thẳng gồm các giấy tờ sau:

- Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng vào đại học chính quy tại Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh năm 2023 (Phụ lục 2);

- Danh sách thí sinh đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia đăng ký tuyển thẳng đại học chính quy năm 2023 (Phụ lục 3);

- Danh sách thí sinh đoạt giải trong kỳ thi khoa học, kỹ thuật quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia đăng ký tuyển thẳng đại học chính quy năm 2023 (Phụ lục 4);

- Danh sách thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng vào Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh năm 2023 (Phụ lục 5);

- Bản sao công chứng các chứng nhận đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia.

Thí sinh trúng tuyển xét tuyển thẳng xác nhận nhập học trực tuyến trên Hệ thống trước 17 giờ ngày 15/8/2023.

Quá thời hạn trên, thí sinh không xác nhận nhập học theo đúng quy định xem như từ chối nhập học.

7.3.5. Phương thức 4: Dự bị đại học

a) Đối tượng dự bị đại học

- Là các học sinh dự bị đại học của Trường Dự bị đại học TP. Hồ Chí Minh và Trường Dự bị đại học dân tộc trung ương Nha Trang;

- Các học sinh này thuộc đối tượng và đủ điều kiện tuyển sinh quy định tại Quy chế tuyển sinh, bồi dưỡng dự bị đại học; xét chuyển vào học trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non đối với học sinh dự bị đại học ban hành kèm theo Thông tư số 44/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; đã hoàn thành chương trình dự bị đại học, được Trường Dự bị đại học phân bổ chỉ tiêu;

- Các học sinh dự bị đại học đáp ứng được điều kiện xét tuyển vào Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

+ Đối tượng xét tuyển là người dân tộc Kinh không vượt quá 5% tổng số chỉ tiêu;

+ Kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022 của thí sinh phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đại học hệ chính quy năm 2022 theo Thông báo số 1119/TB-ĐHYD ngày 29/7/2022 của Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh.

b) Chỉ tiêu xét tuyển

Chỉ tiêu dự bị đại học được ghi tại mục 6.1.

c) Phương án xét dự bị đại học

Căn cứ chỉ tiêu được thống nhất và điều kiện xét tuyển, Trường Dự bị đại học phê duyệt kết quả xét chuyển học sinh hoàn thành dự bị đại học và gửi hồ sơ về Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh. Nhà trường xét duyệt lại hồ sơ và thông báo kết quả học sinh đủ điều kiện trúng tuyển trước 17 giờ 00 ngày 08/7/2023.

d) Hồ sơ học sinh do Trường Dự bị đại học bàn giao cho Trường, gồm các giấy tờ sau:

- Hồ sơ nhập học dự bị đại học của học sinh và minh chứng đạt ngưỡng đảm bảo chất

lượng đầu vào theo quy định;

- Kết quả học tập và rèn luyện của học sinh hoàn thành dự bị đại học;
- Văn bản phê duyệt kết quả xét chuyên học sinh hoàn thành dự bị đại học vào Trường;
- Bản sao chứng thực Căn cước công dân;
- Bản sao chứng thực Bằng tốt nghiệp THPT;
- Bản sao chứng thực Học bạ THPT;
- Bản sao chứng thực Hộ khẩu thường trú hoặc Giấy xác nhận thông tin về cư trú.

Thời gian bàn giao hồ sơ: trước ngày 30/6/2023.

Học sinh dự bị đại học sau khi đã có kết quả đủ điều kiện trúng tuyển vào Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh phải thực hiện đăng ký xét tuyển đúng nguyện vọng trên hệ thống (qua Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia) trước 17 giờ 00 ngày 30/7/2023.

Học sinh dự bị đại học trúng tuyển xác nhận nhập học trực tuyến trên Hệ thống trước 17 giờ 00 ngày 06/9/2023.

Quá thời hạn trên, học sinh dự bị đại học không xác nhận nhập học theo đúng quy định xem như từ chối nhập học.

7.4. Thông báo kết quả và xác nhận nhập học

- Trường công bố kết quả trúng tuyển đợt 1 trước 17 giờ 00 ngày 22/8/2023.
- Thí sinh trúng tuyển xác nhận nhập học bằng hình thức **trực tuyến** trên Hệ thống trước 17 giờ 00 ngày 06/9/2023.

- Đối với những thí sinh không xác nhận nhập học trong thời hạn quy định, nếu không có lý do chính đáng thì coi như thí sinh từ chối nhập học và Trường có quyền không tiếp nhận.

Thí sinh đã xác nhận nhập học tại Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh thì không được tham gia xét tuyển ở nơi khác hoặc ở các đợt xét tuyển bổ sung.

8. Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển

8.1. Xét tuyển thẳng: xem mục 7.3.4. Phương thức 3.

8.2. Ưu tiên xét tuyển: không có.

9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển: Nhà trường sẽ thông báo theo quy định chung và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy cho 01 tháng (VNĐ) x 10 tháng/ năm học

TT	Tên ngành	Học phí dự kiến (VNĐ)
(1)	(2)	(3)
1	Y khoa	7.480.000
2	Y học dự phòng	4.500.000
3	Y học cổ truyền	4.500.000
4	Dược học	5.500.000
5	Điều dưỡng	4.180.000
6	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức	4.180.000
7	Hộ sinh	4.180.000
8	Dinh dưỡng	4.180.000
9	Răng - Hàm - Mặt	7.700.000

TT	Tên ngành	Học phí dự kiến (VNĐ)
10	Kỹ thuật phục hình răng	4.180.000
11	Kỹ thuật xét nghiệm y học	4.180.000
12	Kỹ thuật hình ảnh y học	4.180.000
13	Kỹ thuật phục hồi chức năng	4.180.000
14	Y tế công cộng	4.500.000

Lộ trình dự kiến tăng học phí tối đa 10% cho từng năm

11. Tài chính

11.1. Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 530.896.237.195 đồng.

11.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm 2022: 31.094.011 đồng.

CÁN BỘ KÊ KHAI

Họ tên: Nguyễn Ngọc Khôi
Số điện thoại: 0903.537.782
Email: nnkhoi@ump.edu.vn

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Ngô Quốc Đạt